

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HS-ST

Ngày : 26-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2/. Ông Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đính - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2018/TLST-HS, ngày 29 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 57/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Võ Chí K, sinh ngày 17/11/1998; Nơi sinh tại tỉnh N; Tên gọi khác: Không có; Nơi đăng ký HKTT: ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh N; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Thành L, sinh năm 1971 và bà Đặng Thị Hồng S, sinh năm 1975; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 14/3/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Đặng Trần Tấn T, sinh ngày: 12/8/2000; (vắng mặt)

- Người đại diện hợp pháp của anh Tới là ông Đặng Đức T (cha ruột của anh T), sinh năm 1978; (vắng mặt)

Cùng hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã G, huyện N, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn S, sinh năm 1954; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã G, huyện N, tỉnh Long An.

2. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Đặng Minh H (vắng mặt)

2. Hồ Thanh T (T) (vắng mặt)

3. Đặng Đức T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 60/QĐ-KSĐT ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An truy tố Võ Chí K về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 3 năm 2018, bạn của Võ Chí K là Trần Đông Q điều khiển xe mô tô biển số 70D-0708 chở K từ địa phận huyện B, tỉnh N về nhà Q ở địa phận huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để Q lấy điện thoại cho K sử dụng do K không có điện thoại. Khi đi ngang nhà của anh Đặng Trần T Tới ở ấp T, xã G, huyện N, tỉnh Long An thì Q nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 62P1-066.01 còn để chìa khóa công tắc xe, trên ô khóa xe của anh Đặng Trần Tấn T đang dựng trước cửa nhà của anh T. Q và K nảy sinh ý định trộm xe này để lấy tiền tiêu xài. Q nói K vào lấy xe, còn Q điều khiển xe lên phía trước để đợi K. K đã đi bộ và lấy xe của anh Đặng Trần Tấn T, dắt ra ngoài đường (cách chỗ dựng xe khi chưa lấy khoảng 03m) rồi nổ máy chạy theo hướng đường tỉnh lộ 821. Lúc đó, anh Tới Đặng Trần Tấn T phát hiện ra xe mình bị lấy trộm nên đã tri hô, quần chúng nhân dân đã truy đuổi, chạy được khoảng 1km thì K bị lực lượng Công an xã và nhân dân bắt quả tang.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL.ĐGTS ngày 16/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa kết luận 01 xe Mô tô hiệu Wave RXS, màu sơn đỏ đen biển số 62P1-066.01, số khung 323BY-242155, số máy: C43E-6172941 có giá trị là 12.294.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm chín mươi tư ngàn).

Về vật chứng:

- Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa đã tiến hành trao trả lại cho anh Đặng Trần Tấn Tới 01 xe Mô tô hiệu Wave RXS, màu sơn đỏ đen, biển số 62P1-066.01, số khung: 323BY-242155, số máy: C43E-6172941 theo biên bản trả lại tài sản ngày 17 tháng 3 năm 2018.

- Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu đen là tài sản hợp pháp của Võ Chí K, không sử dụng vào mục đích phạm tội, hiện Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa đang giữ chờ xử lý (Theo quyết định chuyển vật chứng số 46/QĐ-VKS ngày 29/5/2018).

Bị hại là anh Đặng Trần Tấn T (người đại diện hợp pháp của anh T là ông Đặng Đức T) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa có ý kiến: về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, vì bị hại đã nhận lại tài sản đã mất trộm và nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 60/QĐ-KSĐT, ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố Võ Chí K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố trong phần luận tội đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Võ Chí K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: bị cáo Võ Chí K từ 09 đến 12 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa đã tiến hành trao trả lại cho anh Đặng Trần Tấn T 01 xe Mô tô hiệu Wave RXS, màu sơn đỏ đen biển số 62P1-066.01, số khung 323BY-242155, số máy: C43E-6172941 ngày 17 tháng 3 năm 2018, nên không đề cập đến.

- Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu đen, không rõ số sim hiện Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang giữ chờ xử lý (Theo quyết định chuyển vật chứng số 46/QĐ-VKS ngày 29/5/2018). Do đây là tài sản hợp pháp của Võ Chí K, không sử dụng vào mục đích phạm tội và tại phiên tòa bị cáo có yêu cầu được nhận lại, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao trả lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Trần Tấn T sau khi nhận lại được tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình, kiếm việc làm trở thành công dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và các bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có ý kiến trình bày không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và ông Trần Văn S vắng mặt, nhưng ông Đặng Văn T và ông S đã có lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Những người làm chứng Đặng Minh H, Hồ Thanh T (T) và Đặng Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, của những người làm chứng; đồng thời còn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang mà cơ quan điều tra đã lập và thu thập được có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên đã đủ cơ sở khẳng định bị cáo Võ Chí K là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại nhà của ông Đặng Trần Tấn T ở ấp T, xã G, huyện N, tỉnh Long An đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Wave RXS, màu sơn đỏ đen biển số 62P1-066.01 là xe của ông Đặng Trần Tấn T. Tài sản mà bị cáo trộm được có giá trị thành tiền là 12.294.000 (mười hai triệu hai trăm chín mươi tư ngàn) đồng đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự và thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng là thuộc trường hợp định khung trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình như cáo trạng đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5.1] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[5.2] Hành vi của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của anh Đặng Trần Tấn T đang trực tiếp quản lý, sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam nên bị cáo vẫn cố tình vi phạm chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Do đó, cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[5.3] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, điểm s Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Sau khi xem xét tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Đặng Trần Tấn T đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

[7.1] Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa đã tiến hành trao trả lại cho anh Đặng Trần Tấn T 01 xe Mô tô hiệu Wave RXS, màu sơn đỏ đen biển số 62P1-066.01, số khung 323BY-242155, số máy: C43E-6172941 ngày 17 tháng 3 năm 2018 là phù hợp, nên không đề cập đến.

[7.2] Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu đen, hiện Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang giữ chờ xử lý (Theo quyết định chuyển vật chứng số 46/QĐ-VKS ngày 29/5/2018). Do đây là tài sản hợp pháp của Võ Chí K, không sử dụng vào mục đích phạm tội và tại phiên tòa bị cáo có yêu cầu được nhận lại, nên cần giao trả lại cho bị cáo Võ Chí K là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Trong vụ án này, còn có Q cùng thực hiện hành vi phạm tội với Bị cáo nhưng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đức Hòa đã xác định được đối tượng là Trần Đông Q hiện trốn khỏi địa phương, không triệu tập làm việc được. Chỉ có duy nhất lời khai của K cho rằng Q có tham gia vào việc trộm cắp tài sản của anh Tới nên không đủ căn cứ chứng minh Q đồng phạm với K. Đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa tiếp tục truy xét, khi bắt được Q sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố: Bị cáo Võ Chí K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt: bị cáo Võ Chí K 09 (chín) tháng tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 14/3/2018.

2. Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Chí K 45 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2018) để bảo đảm thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho Võ Chí K 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu đen. (Tang vật hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 46/QĐ-KSĐT ngày 29/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2018).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Võ Chí K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hòa;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương